

Số:003/2026/BKLS

Tờ số:.....Tờ số tờ:.....

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theo thông báo số 09/TB-HKL ngày 01/4/2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập Bảng kê lâm sản:

- Họ và tên: Hoàng Thị Lành Chức vụ Kiểm lâm viên
- Cơ quan:Hạt Kiểm lâm số 4
- Địa chỉ: Thôn Khu Chợ, xã Hiệp Lực, tỉnh Thái Nguyên

2. Tổ chức/cá nhân vi phạm:

- Tên tổ chức/cá nhân:
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC:, cấp ngày:
- Địa chỉ:

3. Người chứng kiến:

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

1. Thông tin chi tiết đối với gỗ nguyên liệu

TT	Số hiệu/ nhân dấu (nếu có)	Tên gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng (Thanh/tâm/ló ng)	Khối lượng/ trọng lượng (m3 hoặc kg,lit,milili t)	Ghi chú
		Tên tiếng Việt/ tên thương mại	Tên tiếng Anh (nếu có)	Tên khoa học	Nhóm loài(10)	Dài	Rộng	Đường kính/chiều dày			
1	01	Chò nâu			TT	8,5	16	5	1	0,068	Theo BB tịch thu số: 0000257/BB-TT ngày 30/10/2024 gỗ nhóm VI
2	02	Chò nâu			TT	6,3	16	5	1	0,050	
3	03	Chò nâu			TT	5,2	16	5	1	0,041	
4	04	Chò nâu			TT	13	15	4	1	0,078	
5	05	Chò nâu			TT	3,3	20	5	1	0,033	
6	06	Chò nâu			TT	3,3	20	5	1	0,033	
7	07	Chò nâu			TT	5,2	16	5	1	0,041	
8	08	Chò nâu			TT	13	15	4	1	0,078	
9	01	Sau Sau			TT	0,80		25,0	1	0,039	
10	02	Sau Sau			TT	0,7		27	1	0,040	

11	03	Sau Sau			TT	0,7		25	1	0,034
12	04	Sau Sau			TT	0,75		27	1	0,042
13	05	Sau Sau			TT	0,75		26	1	0,039
14	06	Sau Sau			TT	0,6		25	1	0,029
15	07	Sau Sau			TT	0,7		26	1	0,037
16	08	Sau Sau			TT	0,7		27	1	0,040
17	09	Sau Sau			TT	0,7		28	1	0,043
18	10	Sau Sau			TT	0,75		27	1	0,042
19	11	Sau Sau			TT	0,75		30	1	0,052
20	12	Sau Sau			TT	0,7		26	1	0,037
21	13	Sau Sau			TT	0,7		28	1	0,043
22	14	Sau Sau			TT	0,7		24	1	0,031
23	15	Sau Sau			TT	0,75		25	1	0,036
24	16	Sau Sau			TT	0,75		26	1	0,039
25	17	Sau Sau			TT	0,7		23	1	0,029
26	18	Sau Sau			TT	0,7		32	1	0,056
27	19	Sau Sau			TT	0,7		32	1	0,056
28	20	Sau Sau			TT	0,65		27	1	0,037
29	21	Sau Sau			TT	0,75		21	1	0,025
30	22	Sau Sau			TT	0,7		26	1	0,037
31	23	Sau Sau			TT	0,75		27	1	0,042
32	24	Sau Sau			TT	0,74		29	1	0,048
33	25	Sau Sau			TT	0,7		28	1	0,043

Theo BB tịch thu số:
0001646/BB-TT ngày
25/3/2025 gỗ nhóm V

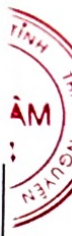
Theo BB tịch thu số:
0001646/BB-TT ngày
25/3/2025 gỗ nhóm V

34	26	Sau Sau			TT	0,8		22	1	0,030
35	27	Sau Sau			TT	0,7		32	1	0,056
36	28	Sau Sau			TT	0,75		23	1	0,031
37	29	Sau Sau			TT	0,75		24	1	0,033
38	30	Sau Sau			TT	0,7		30	1	0,049
39	31	Sau Sau			TT	0,75		29	1	0,049
40	32	Sau Sau			TT	0,8		24	1	0,036
41	33	Sau Sau			TT	0,75		21	1	0,025
42	34	Sau Sau			TT	0,75		21	1	0,025
43	35	Sau Sau			TT	0,7		20	1	0,021
44	36	Sau Sau			TT	0,7		20	1	0,021
45	37	Sau Sau			TT	0,7		20	1	0,021
46	38	Sau Sau			TT	0,7		20	1	0,021
47	39	Sau Sau			TT	0,7		30	1	0,049
48	40	Sau Sau			TT	0,75		28	1	0,046
49	41	Sau Sau			TT	0,7		21	1	0,024
50	42	Sau Sau			TT	0,75		20	1	0,023
51	43	Sau Sau			TT	0,75		20	1	0,023
52	44	Sau Sau			TT	0,7		22	1	0,026
53	45	Sau Sau			TT	0,75		22	1	0,028
54	46	Sau Sau			TT	0,7		20	1	0,021
55	47	Sau Sau			TT	0,8		21	1	0,027
56	48	Sau Sau			TT	0,8		24	1	0,036

Theo BB tịch thu số:
 0001646/BB-TT ngày
 25/3/2025 gỡ nhóm V

57	49	Sau Sau			TT	0,7		23	1	0,029
58	50	Sau Sau			TT	0,7		22	1	0,026
59	51	Sau Sau			TT	0,75		22	1	0,028
60	52	Sau Sau			TT	0,7		25	1	0,034
61	53	Sau Sau			TT	0,75		22	1	0,028
62	54	Sau Sau			TT	0,7		25	1	0,034
63	55	Sau Sau			TT	0,65		25	1	0,031
64	56	Sau Sau			TT	0,7		22	1	0,026
65	57	Sau Sau			TT	0,7		23	1	0,029
66	01	Sau Sau			TT	0,8		27	2	0,092
67	02	Sau Sau			TT	0,8		25	2	0,079
68	03	Sau Sau			TT	0,7		25	3	0,103
69	04	Sau Sau			TT	0,8		34	1	0,073
70	05	Sau Sau			TT	0,8		20	4	0,100
71	06	Sau Sau			TT	0,75		27	1	0,043
72	07	Sau Sau			TT	0,67		25	1	0,033
73	08	Sau Sau			TT	0,66		20	1	0,021
74	09	Sau Sau			TT	0,7		32	2	0,113
75	10	Sau Sau			TT	0,75		23	1	0,031
76	11	Sau Sau			TT	0,77		32	1	0,062
77	12	Sau Sau			TT	0,7		22	3	0,080
78	13	Sau Sau			TT	0,76		27	1	0,043
79	14	Sau Sau			TT	0,82		24	1	0,037

Theo BB tịch thu số:
03/BB-TT ngày
27/2/2026 gỡ nhóm V



80	15	Sau Sau			TT	0,95		20	1	0,030
81	16	Sau Sau			TT	0,7		30	3	0,148
82	17	Sau Sau			TT	0,73		30	1	0,052
83	18	Sau Sau			TT	0,8		23	4	0,133
84	19	Sau Sau			TT	0,85		20	2	0,053
85	20	Sau Sau			TT	0,73		25	1	0,036
86	21	Sau Sau			TT	0,73		20	1	0,023
87	22	Sau Sau			TT	0,9		20	5	0,141
88	23	Sau Sau			TT	0,83		30	1	0,059
89	24	Sau Sau			TT	0,77		25	1	0,038
90	25	Sau Sau			TT	0,88		23	1	0,037
91	26	Sau Sau			TT	0,9		30	1	0,064
92	27	Sau Sau			TT	0,97		20	1	0,030
93	28	Sau Sau			TT	0,8		22	2	0,061
94	29	Sau Sau			TT	0,7		29	1	0,046
95	30	Sau Sau			TT	0,7		20	2	0,044
96	31	Sau Sau			TT	0,6		20	1	0,019
97	32	Sau Sau			TT	0,88		20	2	0,055
98	33	Sau Sau			TT	0,85		26	1	0,045
99	34	Sau Sau			TT	0,7		35	1	0,072
100	35	Sau Sau			TT	0,75		25	2	0,074
101	36	Sau Sau			TT	0,82		25	2	0,080
102	37	Sau Sau			TT	0,75		20	3	0,071

Theo BB tịch thu số:
03/BB-TT ngày
27/2/2026 gỡ nhóm V

103	38	Sau Sau			TT	0,64		30	1	0,045
104	39	Sau Sau			TT	0,75		24	1	0,034
105	40	Sau Sau			TT	0,7		27	1	0,040
106	41	Sau Sau			TT	0,5		30	1	0,035
107	42	Sau Sau			TT	0,7		28	1	0,043
108	43	Sau Sau			TT	2,5		40	1	0,314
109	44	Sau Sau			TT	0,85		52	1	0,180
110	45	Sau Sau			TT	0,92		50	1	0,181
111	46	Sau Sau			TT	0,85		50	1	0,167
112	47	Sau Sau			TT	0,9		46	1	0,149
113	48	Sau Sau			TT	0,82		37	1	0,088
114	49	Sau Sau			TT	0,85		40	3	0,320
115	50	Sau Sau			TT	0,9		40	1	0,113
116	51	Sau Sau			TT	0,8		30	3	0,170
117	52	Sau Sau			TT	0,85		25	1	0,042
118	53	Sau Sau			TT	0,75		30	1	0,053
119	54	Sau Sau			TT	0,85		22	1	0,032
120	55	Sau Sau			TT	0,78		25	1	0,038
121	56	Sau Sau			TT	0,81		29	1	0,053
122	57	Sau Sau			TT	0,51		27	1	0,030
123	58	Sau Sau			TT	0,86		24	1	0,039
124	59	Sau Sau			TT	0,75		21	1	0,026
125	60	Sau Sau			TT	0,89		23	1	0,037

Theo BB tịch thu số:
03/BB-TT ngày
27/2/2026 gỗ nhóm V

126	61	Sau Sau			TT	0,66		26	1	0,035
127	62	Sau Sau			TT	0,81		25	1	0,040
128	63	Sau Sau			TT	0,86		25	2	0,084
129	64	Sau Sau			TT	0,81		23	1	0,034
130	65	Sau Sau			TT	0,91		20	1	0,028
131	66	Sau Sau			TT	0,84		30	1	0,059
132	67	Sau Sau			TT	0,58		26	1	0,031
133	68	Sau Sau			TT	0,92		20	1	0,028
134	69	Sau Sau			TT	0,82		30	1	0,058
135	01	Sau Sau			TT	0,6		25	1	0,029
136	02	Sau Sau			TT	0,7		24	1	0,031
137	03	Sau Sau			TT	0,65		23	1	0,026
138	04	Sau Sau			TT	0,65		22	1	0,024
139	05	Sau Sau			TT	0,68		21	1	0,023
140	06	Sau Sau			TT	0,8		20	1	0,025
141	07	Sau Sau			TT	0,75		20	1	0,023
Tổng									173	7,532

Theo BB tịch thu số:
01/BB-TT ngày
10/11/2025 gỗ nhóm V

Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê: Chò nâu: 08 hộp = 0,422m³; Sau sau: 165 khúc = 7,11m³

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LIÊN QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

Hiệp Lực, ngày 30 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

KL


Hoàng Thị Lành

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)